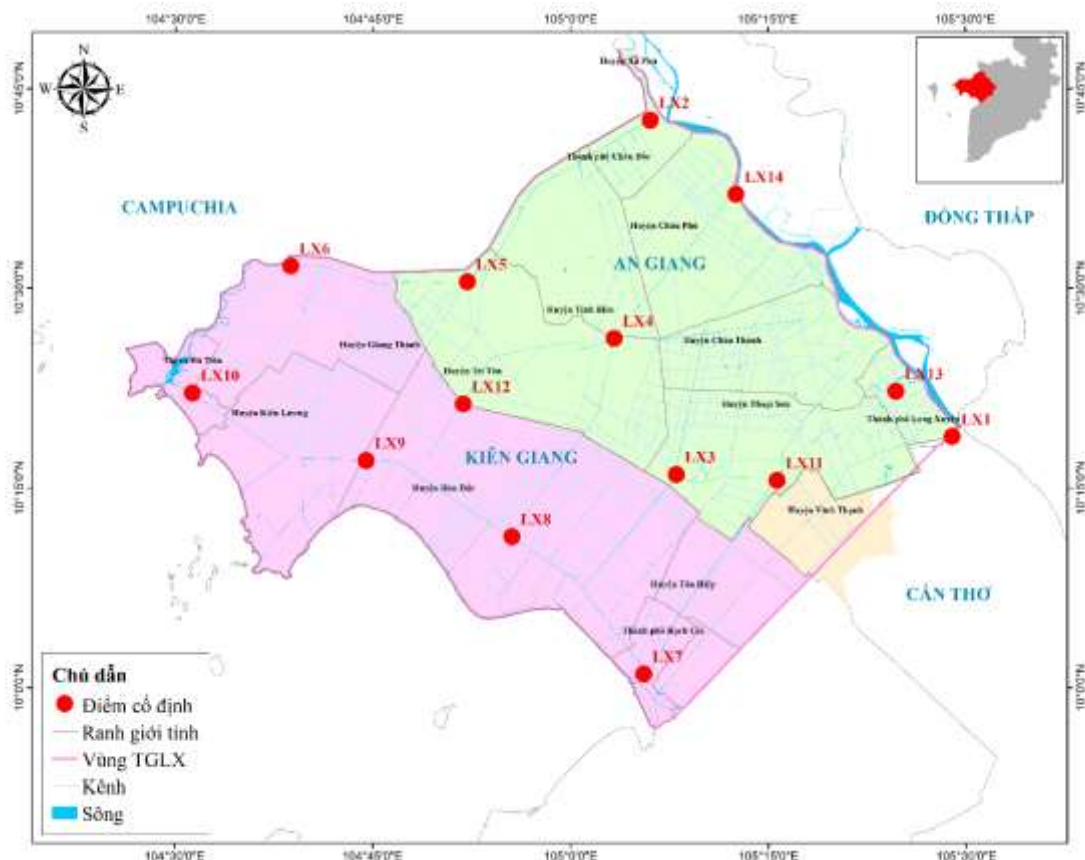


## BẢN TIN THÁNG

### “Bản tin dự báo diễn biến chất lượng nước tháng 07 năm 2025”

#### 1. Vị trí dự báo chất lượng nước

Nhiệm vụ quan trắc tại 14 vị trí phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình 1.



Hình 1: Sơ đồ vị trí các điểm giám sát chất lượng nước năm 2025

2. Dự báo chất lượng nước tháng 7/2025

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: độ mặn, DO, BOD<sub>5</sub>, tổng Nito từ ngày 01/07/2025 đến 31/07/2025 được thể hiện như Bảng 1:

Bảng 1: Giá trị dự báo lớn nhất, trung bình, nhỏ nhất của các chỉ số mặn, DO, BOD<sub>5</sub>, tổng Nito trong tháng 7

| Khu vực                 | Vị trí | Mặn, ‰ |       |      | DO, mgO <sub>2</sub> /l |      |      | BOD <sub>5</sub> , mgO <sub>2</sub> /l |       |       | Tổng Nito, mg/l |       |      |
|-------------------------|--------|--------|-------|------|-------------------------|------|------|----------------------------------------|-------|-------|-----------------|-------|------|
|                         |        | Max    | TB    | Min  | Max                     | TB   | Min  | Max                                    | TB    | Min   | Max             | TB    | Min  |
| Đầu nguồn phía sông Hậu | LX1    | 0,10   | 0,04  | 0,00 | 5,21                    | 4,94 | 4,60 | 12,54                                  | 12,00 | 11,12 | 1,18            | 1,02  | 0,87 |
|                         | LX2    | 0,10   | 0,04  | 0,00 | 5,98                    | 5,95 | 5,80 | 7,78                                   | 7,66  | 7,56  | 1,20            | 0,77  | 0,42 |
|                         | LX13   | 0,10   | 0,05  | 0,00 | 6,07                    | 6,05 | 6,02 | 9,61                                   | 9,15  | 8,52  | 2,12            | 1,47  | 0,83 |
|                         | LX14   | 0,10   | 0,04  | 0,00 | 5,73                    | 5,59 | 5,47 | 7,53                                   | 7,50  | 7,47  | 0,74            | 0,55  | 0,45 |
| Khu vực giữa nội đồng   | LX3    | 0,09   | 0,04  | 0,00 | 5,77                    | 5,70 | 5,61 | 12,53                                  | 11,02 | 10,02 | 1,94            | 1,57  | 1,28 |
|                         | LX4    | 0,09   | 0,04  | 0,00 | 5,06                    | 4,85 | 4,62 | 16,68                                  | 14,00 | 10,52 | 1,99            | 1,58  | 0,81 |
|                         | LX5    | 0,10   | 0,04  | 0,00 | 5,92                    | 5,82 | 5,66 | 13,29                                  | 11,99 | 11,23 | 3,00            | 1,54  | 1,02 |
|                         | LX6    | 0,09   | 0,05  | 0,01 | 5,42                    | 4,81 | 4,48 | 22,74                                  | 17,25 | 12,67 | 7,97            | 6,57  | 4,13 |
|                         | LX11   | 0,10   | 0,06  | 0,00 | 5,24                    | 4,88 | 4,66 | 20,11                                  | 15,82 | 12,44 | 5,67            | 4,30  | 3,42 |
|                         | LX12   | 0,10   | 0,05  | 0,00 | 5,72                    | 5,52 | 5,34 | 16,97                                  | 12,80 | 11,39 | 3,86            | 3,54  | 3,16 |
| Phía ven biển Tây       | LX7    | 0,10   | 0,05  | 0,00 | 5,13                    | 4,84 | 4,61 | 15,20                                  | 13,90 | 12,99 | 3,50            | 2,41  | 1,84 |
|                         | LX8    | 0,10   | 0,06  | 0,00 | 5,30                    | 5,00 | 4,65 | 24,74                                  | 20,34 | 17,28 | 4,13            | 3,53  | 2,65 |
|                         | LX9    | 0,10   | 0,05  | 0,00 | 5,37                    | 5,25 | 5,11 | 25,98                                  | 22,41 | 18,44 | 15,40           | 12,46 | 9,50 |
|                         | LX10   | 20,30  | 14,61 | 9,79 | 5,88                    | 5,73 | 5,64 | 8,86                                   | 8,45  | 8,26  | 1,71            | 1,45  | 1,03 |
| Ranh mặn                |        | <1‰    | 1÷4‰  | >4‰  |                         |      |      |                                        |       |       |                 |       |      |
| So sánh QCVN08:2023     |        |        |       |      |                         |      |      |                                        |       |       |                 |       |      |
| Đạt mức A               |        |        |       |      | ≥6                      |      |      | ≤ 4                                    |       |       | ≤ 0,6           |       |      |
| Đạt mức B               |        |        |       |      | ≥5                      |      |      | ≤ 6                                    |       |       | ≤ 1,5           |       |      |
| Không đạt mức B         |        |        |       |      | <5                      |      |      | >6                                     |       |       | > 1,5           |       |      |

2.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo trong tháng 7/2025 tại phần lớn các điểm giám sát thuộc khu vực trồng lúa có mức dao động trong khoảng 0,00÷0,10‰, nguồn nước không bị nhiễm mặn và đảm bảo phục vụ được cho việc tưới tiêu của người dân.

Riêng tại điểm LX10 là khu vực nuôi tôm nước lợ ở phường Thuận Yên, Tp. Hà Tiên có độ mặn dự báo cho tháng 7/2025 trong khoảng từ 9,79 – 20,30‰, trung bình là 14,61‰, cho thấy độ mặn dự báo vẫn nằm trong điều kiện phù hợp cho việc nuôi tôm nước lợ (từ 7 - 25‰) nên người dân có thể yên tâm khi lấy nước vào vuông tôm.

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Giá trị DO dự báo trong tháng 7/2025 dao động từ 4,48÷6,07 mgO<sub>2</sub>/l; giá trị oxy hòa tan tại phần lớn các điểm giám sát đều đạt mức B theo QCVN08:2023/BTNMT nên người dân có thể yên tâm lấy nước phục vụ tưới tiêu cũng như nuôi trồng thủy sản. Bên cạnh đó, điểm LX1, LX4, LX6, LX7 và LX11 được dự báo có giá trị DO không đạt mức B ở nhiều ngày trong tháng nên người dân cũng cần chú ý theo dõi thường xuyên trước khi sử dụng nguồn nước.

### 2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa ( $BOD_5$ )

Giá trị  $BOD_5$  dự báo trong tháng 7/2025 dao động từ  $7,47 \div 25,98 \text{ mgO}_2/\text{l}$ , nhìn chung giá trị  $BOD_5$  dự báo tại tất cả các điểm giám sát đều không đạt mức B theo QCVN08:2023/BTNMT. Cho thấy khu vực này vẫn tiếp tục có nguy cơ bị ô nhiễm hữu cơ khá cao trong tháng tới, điều này cho thấy khả năng tự làm sạch của nguồn nước sẽ vẫn bị ảnh hưởng, nên người dân vẫn cần chú ý theo dõi thường xuyên trước khi sử dụng.

### 2.4. Tổng Nito (TN)

Giá trị tổng Nito dự báo vào tháng 7/2025 dao động từ  $0,42 \div 15,40 \text{ mg/l}$ ; giá trị tổng Nito được dự báo tại phần lớn các điểm giám sát không đạt mức B theo QCVN08:2023/BTNMT trong nhiều ngày cho thấy những khu vực khảo sát này có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng khá cao, nên người dân cần chú ý theo dõi trước khi lấy nước cho mục đích tưới tiêu trồng trọt. Điểm LX10 (khu vực nuôi tôm nước lợ phường Thuận Yên, Tp. Hà Tiên), giá trị tổng Nito dự báo vẫn đạt mức B theo QCVN08:2023/BTNMT trong nhiều ngày tới nên người dân có thể yên tâm lấy nước vào ao nuôi tôm.

## 3. Khuyến cáo

Kết quả dự báo một số chỉ tiêu vào tháng 7/2025 cho thấy chất lượng nước trong hệ thống thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên gồm độ mặn và DO được dự báo hầu hết đều nằm trong mức cho phép để phục vụ tưới tiêu và nuôi trồng thủy sản. Bên cạnh đó, thông số  $BOD_5$  tại tất cả các điểm giám sát và thông số tổng Nito tại phần lớn các điểm giám sát được dự báo không đạt mức B theo QCVN08:2023/BTNMT, cho thấy khu vực khảo sát có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ và ô nhiễm dinh dưỡng khá cao nên người dân vẫn cần theo dõi nguồn nước thường xuyên và cần có biện pháp xử lý trước khi sử dụng. Ngoài ra, các điểm LX4, LX6, LX7 và LX11 có đồng thời các chỉ tiêu DO, tổng Nito và  $BOD_5$  được dự báo vượt ngưỡng cho phép trong nhiều ngày trong tháng tới nên người dân khu vực này cần lưu ý theo dõi khi sử dụng nguồn nước.

#### Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&PTNT, CTTL, Công ty khai thác công trình thủy lợi các tỉnh Kiên Giang, An Giang;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Thủy lợi (để b/c);
- Webgis Cục Thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (để b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB

  
**VIỆN TRƯỞNG**  
*Phạm Văn Tùng*

**PHỤ LỤC :**

**KẾT QUẢ DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TRONG HTTL TỨ GIÁC LONG XUYỀN THÁNG 6/2025**

**1. Kết quả dự báo diễn biến độ mặn trong tháng 7/2025**

| <b>Độ mặn</b> | <b>LX1</b> | <b>LX2</b> | <b>LX3</b> | <b>LX4</b> | <b>LX5</b> | <b>LX6</b> | <b>LX7</b> | <b>LX8</b> | <b>LX9</b> | <b>LX10</b> | <b>LX11</b> | <b>LX12</b> | <b>LX13</b> | <b>LX14</b> |
|---------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| <b>01/07</b>  | 0,02       | 0,01       | 0,02       | 0,02       | 0,07       | 0,06       | 0,00       | 0,08       | 0,07       | 15,22       | 0,03        | 0,01        | 0,07        | 0,09        |
| <b>02/07</b>  | 0,03       | 0,03       | 0,02       | 0,06       | 0,08       | 0,05       | 0,07       | 0,08       | 0,00       | 17,74       | 0,05        | 0,10        | 0,01        | 0,09        |
| <b>03/07</b>  | 0,06       | 0,10       | 0,07       | 0,09       | 0,01       | 0,09       | 0,05       | 0,07       | 0,10       | 19,55       | 0,01        | 0,05        | 0,01        | 0,10        |
| <b>04/07</b>  | 0,06       | 0,04       | 0,01       | 0,09       | 0,05       | 0,09       | 0,02       | 0,10       | 0,00       | 20,30       | 0,06        | 0,01        | 0,01        | 0,01        |
| <b>05/07</b>  | 0,05       | 0,09       | 0,02       | 0,01       | 0,09       | 0,05       | 0,01       | 0,00       | 0,05       | 19,40       | 0,08        | 0,06        | 0,02        | 0,07        |
| <b>06/07</b>  | 0,05       | 0,04       | 0,06       | 0,00       | 0,05       | 0,04       | 0,10       | 0,05       | 0,07       | 17,41       | 0,08        | 0,01        | 0,01        | 0,05        |
| <b>07/07</b>  | 0,00       | 0,03       | 0,01       | 0,06       | 0,04       | 0,01       | 0,05       | 0,01       | 0,03       | 15,13       | 0,07        | 0,05        | 0,04        | 0,03        |
| <b>08/07</b>  | 0,01       | 0,07       | 0,01       | 0,01       | 0,04       | 0,06       | 0,10       | 0,08       | 0,06       | 13,39       | 0,06        | 0,01        | 0,01        | 0,00        |
| <b>09/07</b>  | 0,02       | 0,04       | 0,09       | 0,02       | 0,04       | 0,07       | 0,05       | 0,07       | 0,08       | 12,44       | 0,02        | 0,01        | 0,04        | 0,07        |
| <b>10/07</b>  | 0,04       | 0,04       | 0,08       | 0,03       | 0,01       | 0,02       | 0,09       | 0,10       | 0,06       | 12,61       | 0,10        | 0,05        | 0,06        | 0,02        |
| <b>11/07</b>  | 0,01       | 0,01       | 0,08       | 0,06       | 0,05       | 0,05       | 0,03       | 0,09       | 0,09       | 13,27       | 0,02        | 0,02        | 0,03        | 0,07        |
| <b>12/07</b>  | 0,05       | 0,01       | 0,00       | 0,01       | 0,00       | 0,08       | 0,00       | 0,07       | 0,03       | 13,04       | 0,01        | 0,10        | 0,06        | 0,03        |
| <b>13/07</b>  | 0,00       | 0,10       | 0,06       | 0,07       | 0,02       | 0,03       | 0,03       | 0,02       | 0,01       | 12,73       | 0,01        | 0,10        | 0,01        | 0,04        |
| <b>14/07</b>  | 0,10       | 0,03       | 0,09       | 0,04       | 0,04       | 0,01       | 0,01       | 0,05       | 0,02       | 12,84       | 0,04        | 0,08        | 0,10        | 0,01        |
| <b>15/07</b>  | 0,00       | 0,02       | 0,00       | 0,09       | 0,09       | 0,01       | 0,07       | 0,05       | 0,04       | 13,46       | 0,09        | 0,07        | 0,00        | 0,04        |
| <b>16/07</b>  | 0,07       | 0,07       | 0,05       | 0,00       | 0,07       | 0,02       | 0,08       | 0,03       | 0,06       | 14,61       | 0,10        | 0,01        | 0,05        | 0,07        |
| <b>17/07</b>  | 0,06       | 0,00       | 0,02       | 0,02       | 0,00       | 0,03       | 0,02       | 0,08       | 0,02       | 16,23       | 0,10        | 0,05        | 0,06        | 0,02        |
| <b>18/07</b>  | 0,09       | 0,02       | 0,04       | 0,02       | 0,07       | 0,07       | 0,08       | 0,07       | 0,02       | 18,31       | 0,05        | 0,02        | 0,08        | 0,04        |
| <b>19/07</b>  | 0,09       | 0,07       | 0,09       | 0,03       | 0,06       | 0,07       | 0,06       | 0,06       | 0,02       | 20,04       | 0,09        | 0,04        | 0,10        | 0,01        |
| <b>20/07</b>  | 0,05       | 0,10       | 0,07       | 0,02       | 0,07       | 0,01       | 0,08       | 0,10       | 0,01       | 20,11       | 0,04        | 0,10        | 0,06        | 0,08        |
| <b>21/07</b>  | 0,01       | 0,09       | 0,05       | 0,02       | 0,01       | 0,09       | 0,02       | 0,01       | 0,09       | 18,77       | 0,05        | 0,06        | 0,06        | 0,02        |
| <b>22/07</b>  | 0,08       | 0,02       | 0,05       | 0,09       | 0,08       | 0,09       | 0,07       | 0,07       | 0,03       | 15,62       | 0,08        | 0,09        | 0,09        | 0,05        |
| <b>23/07</b>  | 0,02       | 0,01       | 0,02       | 0,08       | 0,01       | 0,04       | 0,02       | 0,10       | 0,08       | 12,02       | 0,06        | 0,02        | 0,04        | 0,03        |
| <b>24/07</b>  | 0,04       | 0,04       | 0,01       | 0,08       | 0,04       | 0,08       | 0,09       | 0,05       | 0,08       | 9,79        | 0,09        | 0,00        | 0,07        | 0,04        |
| <b>25/07</b>  | 0,01       | 0,01       | 0,01       | 0,05       | 0,10       | 0,09       | 0,03       | 0,02       | 0,07       | 10,54       | 0,06        | 0,08        | 0,07        | 0,00        |
| <b>26/07</b>  | 0,02       | 0,09       | 0,06       | 0,06       | 0,07       | 0,02       | 0,09       | 0,07       | 0,02       | 11,36       | 0,00        | 0,02        | 0,01        | 0,07        |
| <b>27/07</b>  | 0,06       | 0,05       | 0,06       | 0,08       | 0,00       | 0,09       | 0,09       | 0,00       | 0,06       | 10,62       | 0,10        | 0,09        | 0,02        | 0,00        |

*Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp – Bản tin dự báo tháng 7/2025*

|              |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |      |      |      |      |
|--------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|------|------|------|------|
| <b>28/07</b> | 0,02 | 0,02 | 0,07 | 0,02 | 0,02 | 0,05 | 0,09 | 0,04 | 0,03 | 10,33 | 0,02 | 0,08 | 0,04 | 0,08 |
| <b>29/07</b> | 0,04 | 0,07 | 0,02 | 0,05 | 0,03 | 0,09 | 0,05 | 0,07 | 0,08 | 10,99 | 0,03 | 0,01 | 0,06 | 0,07 |
| <b>30/07</b> | 0,09 | 0,03 | 0,03 | 0,04 | 0,03 | 0,05 | 0,05 | 0,03 | 0,02 | 12,46 | 0,04 | 0,07 | 0,10 | 0,01 |
| <b>31/07</b> | 0,00 | 0,03 | 0,08 | 0,03 | 0,04 | 0,04 | 0,01 | 0,03 | 0,03 | 12,46 | 0,08 | 0,01 | 0,04 | 0,04 |

2. Kết quả dự báo diễn biến DO trong tháng 7/2025

| DO    | LX1  | LX2  | LX3  | LX4  | LX5  | LX6  | LX7  | LX8  | LX9  | LX10 | LX11 | LX12 | LX13 | LX14 |
|-------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| 01/07 | 4,60 | 5,98 | 5,64 | 4,81 | 5,85 | 4,52 | 4,88 | 4,70 | 5,13 | 5,80 | 4,66 | 5,70 | 6,06 | 5,64 |
| 02/07 | 4,64 | 5,98 | 5,63 | 4,77 | 5,81 | 4,58 | 4,99 | 4,81 | 5,23 | 5,77 | 4,70 | 5,72 | 6,06 | 5,62 |
| 03/07 | 4,68 | 5,98 | 5,62 | 4,77 | 5,76 | 4,59 | 5,08 | 4,91 | 5,29 | 5,72 | 4,70 | 5,57 | 6,05 | 5,63 |
| 04/07 | 4,73 | 5,98 | 5,61 | 4,80 | 5,73 | 4,59 | 5,13 | 5,02 | 5,30 | 5,67 | 4,69 | 5,55 | 6,04 | 5,61 |
| 05/07 | 4,80 | 5,98 | 5,61 | 4,81 | 5,74 | 4,59 | 5,13 | 5,15 | 5,27 | 5,64 | 4,71 | 5,53 | 6,03 | 5,59 |
| 06/07 | 4,89 | 5,98 | 5,63 | 4,82 | 5,79 | 4,64 | 5,10 | 5,23 | 5,24 | 5,64 | 4,76 | 5,50 | 6,03 | 5,56 |
| 07/07 | 4,99 | 5,98 | 5,67 | 4,85 | 5,84 | 4,73 | 5,04 | 5,25 | 5,22 | 5,65 | 4,78 | 5,51 | 6,03 | 5,54 |
| 08/07 | 5,08 | 5,98 | 5,72 | 4,82 | 5,88 | 4,85 | 4,94 | 5,22 | 5,19 | 5,67 | 4,84 | 5,58 | 6,02 | 5,55 |
| 09/07 | 5,15 | 5,98 | 5,76 | 4,75 | 5,91 | 4,97 | 4,78 | 5,12 | 5,19 | 5,69 | 4,92 | 5,65 | 6,02 | 5,54 |
| 10/07 | 5,16 | 5,97 | 5,77 | 4,80 | 5,92 | 5,10 | 4,67 | 4,97 | 5,21 | 5,69 | 4,94 | 5,61 | 6,03 | 5,54 |
| 11/07 | 5,05 | 5,97 | 5,75 | 4,91 | 5,91 | 5,21 | 4,71 | 4,74 | 5,18 | 5,70 | 4,86 | 5,51 | 6,04 | 5,56 |
| 12/07 | 4,93 | 5,97 | 5,74 | 5,02 | 5,91 | 5,08 | 4,79 | 4,65 | 5,13 | 5,72 | 4,69 | 5,43 | 6,06 | 5,61 |
| 13/07 | 4,73 | 5,97 | 5,73 | 5,06 | 5,89 | 4,55 | 4,79 | 4,69 | 5,11 | 5,76 | 4,66 | 5,45 | 6,07 | 5,66 |
| 14/07 | 4,67 | 5,97 | 5,71 | 5,04 | 5,87 | 4,48 | 4,71 | 4,79 | 5,12 | 5,79 | 4,72 | 5,50 | 6,07 | 5,69 |
| 15/07 | 4,72 | 5,97 | 5,70 | 5,00 | 5,81 | 4,53 | 4,64 | 4,85 | 5,18 | 5,78 | 4,83 | 5,52 | 6,07 | 5,69 |
| 16/07 | 4,82 | 5,97 | 5,68 | 4,95 | 5,73 | 4,62 | 4,61 | 4,84 | 5,27 | 5,74 | 4,88 | 5,49 | 6,07 | 5,68 |
| 17/07 | 4,86 | 5,97 | 5,68 | 4,90 | 5,68 | 4,77 | 4,66 | 4,88 | 5,32 | 5,71 | 4,87 | 5,45 | 6,06 | 5,64 |
| 18/07 | 4,84 | 5,80 | 5,69 | 4,86 | 5,66 | 4,91 | 4,76 | 4,97 | 5,32 | 5,69 | 4,84 | 5,42 | 6,06 | 5,58 |
| 19/07 | 4,83 | 5,83 | 5,70 | 4,85 | 5,69 | 5,02 | 4,86 | 5,07 | 5,31 | 5,68 | 4,81 | 5,41 | 6,05 | 5,52 |
| 20/07 | 4,88 | 5,84 | 5,70 | 4,86 | 5,74 | 5,11 | 4,91 | 5,15 | 5,30 | 5,68 | 4,80 | 5,46 | 6,04 | 5,49 |
| 21/07 | 4,95 | 5,85 | 5,71 | 4,91 | 5,79 | 5,18 | 4,89 | 5,24 | 5,29 | 5,68 | 4,81 | 5,56 | 6,04 | 5,48 |
| 22/07 | 5,01 | 5,87 | 5,72 | 4,98 | 5,83 | 5,25 | 4,84 | 5,30 | 5,28 | 5,69 | 4,85 | 5,63 | 6,03 | 5,47 |
| 23/07 | 5,09 | 5,91 | 5,74 | 4,62 | 5,87 | 5,36 | 4,76 | 5,25 | 5,27 | 5,71 | 4,91 | 5,56 | 6,04 | 5,48 |
| 24/07 | 5,17 | 5,95 | 5,75 | 4,68 | 5,87 | 5,42 | 4,67 | 5,12 | 5,28 | 5,75 | 5,02 | 5,51 | 6,04 | 5,49 |
| 25/07 | 5,21 | 5,95 | 5,72 | 4,71 | 5,88 | 4,93 | 4,67 | 5,04 | 5,32 | 5,80 | 5,06 | 5,48 | 6,04 | 5,52 |
| 26/07 | 5,11 | 5,96 | 5,71 | 4,76 | 5,87 | 4,63 | 4,71 | 4,99 | 5,27 | 5,85 | 5,03 | 5,51 | 6,05 | 5,57 |
| 27/07 | 5,05 | 5,95 | 5,71 | 4,82 | 5,87 | 4,63 | 4,79 | 5,02 | 5,24 | 5,88 | 5,05 | 5,54 | 6,06 | 5,62 |
| 28/07 | 5,03 | 5,96 | 5,71 | 4,88 | 5,87 | 4,62 | 4,81 | 5,08 | 5,27 | 5,85 | 5,11 | 5,51 | 6,07 | 5,66 |

*Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp – Bản tin dự báo tháng 7/2025*

|              |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
|--------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| <b>29/07</b> | 5,08 | 5,96 | 5,71 | 4,94 | 5,84 | 4,59 | 4,84 | 5,05 | 5,33 | 5,78 | 5,20 | 5,45 | 6,07 | 5,71 |
| <b>30/07</b> | 5,14 | 5,96 | 5,71 | 4,91 | 5,82 | 4,55 | 4,90 | 4,97 | 5,36 | 5,74 | 5,24 | 5,40 | 6,06 | 5,73 |
| <b>31/07</b> | 5,11 | 5,96 | 5,71 | 4,80 | 5,77 | 4,53 | 4,99 | 4,95 | 5,37 | 5,73 | 5,20 | 5,34 | 6,05 | 5,72 |

### 3. Kết quả dự báo diễn biến BOD<sub>5</sub> trong tháng 7/2025

| BOD <sub>5</sub> | LX1   | LX2  | LX3   | LX4   | LX5   | LX6   | LX7   | LX8   | LX9   | LX10 | LX11  | LX12  | LX13 | LX14 |
|------------------|-------|------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|------|-------|-------|------|------|
| 01/07            | 11,70 | 7,78 | 11,16 | 15,81 | 13,29 | 18,59 | 14,45 | 23,94 | 25,98 | 8,36 | 19,40 | 16,97 | 9,29 | 7,49 |
| 02/07            | 11,98 | 7,71 | 11,26 | 16,68 | 12,86 | 18,15 | 14,60 | 22,70 | 25,87 | 8,32 | 17,41 | 13,24 | 9,13 | 7,47 |
| 03/07            | 12,27 | 7,68 | 11,28 | 14,36 | 11,66 | 17,85 | 13,74 | 20,78 | 25,27 | 8,28 | 15,13 | 13,08 | 9,03 | 7,47 |
| 04/07            | 12,46 | 7,65 | 11,17 | 15,81 | 11,73 | 17,87 | 13,69 | 19,45 | 23,95 | 8,26 | 13,39 | 12,74 | 8,97 | 7,48 |
| 05/07            | 12,52 | 7,63 | 11,07 | 16,45 | 11,92 | 18,36 | 14,05 | 19,41 | 22,23 | 8,29 | 12,44 | 12,70 | 9,01 | 7,51 |
| 06/07            | 12,51 | 7,61 | 10,95 | 15,89 | 12,12 | 19,11 | 14,33 | 19,53 | 21,05 | 8,37 | 12,61 | 12,71 | 9,14 | 7,50 |
| 07/07            | 12,53 | 7,60 | 10,83 | 14,55 | 12,12 | 19,36 | 14,46 | 19,21 | 20,62 | 8,44 | 13,27 | 12,63 | 9,32 | 7,51 |
| 08/07            | 12,46 | 7,60 | 10,81 | 16,55 | 12,02 | 18,98 | 14,34 | 18,56 | 20,44 | 8,50 | 13,04 | 12,54 | 9,37 | 7,53 |
| 09/07            | 12,27 | 7,59 | 11,03 | 16,16 | 11,94 | 17,76 | 13,94 | 17,79 | 20,45 | 8,49 | 12,73 | 12,35 | 9,37 | 7,52 |
| 10/07            | 12,14 | 7,59 | 11,24 | 15,80 | 11,88 | 16,13 | 13,45 | 17,28 | 21,03 | 8,43 | 12,84 | 12,04 | 9,47 | 7,52 |
| 11/07            | 12,04 | 7,58 | 11,30 | 15,41 | 11,72 | 14,68 | 13,10 | 17,52 | 22,63 | 8,39 | 13,46 | 11,66 | 9,58 | 7,52 |
| 12/07            | 11,97 | 7,58 | 11,31 | 15,02 | 11,56 | 13,33 | 13,03 | 19,38 | 24,90 | 8,86 | 14,61 | 11,39 | 9,61 | 7,50 |
| 13/07            | 11,96 | 7,58 | 11,19 | 14,62 | 11,47 | 12,67 | 13,30 | 21,74 | 25,06 | 8,68 | 16,23 | 11,82 | 9,56 | 7,49 |
| 14/07            | 12,12 | 7,57 | 10,51 | 14,26 | 11,36 | 12,94 | 13,76 | 22,71 | 25,18 | 8,53 | 18,31 | 12,59 | 9,45 | 7,49 |
| 15/07            | 12,42 | 7,57 | 10,03 | 14,02 | 11,27 | 14,48 | 13,89 | 23,82 | 25,04 | 8,43 | 20,04 | 13,06 | 9,29 | 7,48 |
| 16/07            | 12,54 | 7,56 | 10,05 | 14,09 | 11,23 | 15,71 | 12,99 | 24,74 | 24,58 | 8,36 | 20,11 | 12,95 | 9,12 | 7,47 |
| 17/07            | 12,43 | 7,56 | 10,44 | 14,91 | 11,28 | 15,94 | 13,15 | 23,93 | 23,52 | 8,31 | 18,77 | 12,64 | 8,96 | 7,47 |
| 18/07            | 12,24 | 7,56 | 11,55 | 14,17 | 11,46 | 16,11 | 13,42 | 21,12 | 22,03 | 8,30 | 15,62 | 12,42 | 8,85 | 7,49 |
| 19/07            | 12,02 | 7,59 | 11,42 | 13,80 | 11,70 | 17,12 | 13,88 | 18,48 | 20,67 | 8,32 | 15,86 | 12,44 | 8,79 | 7,51 |
| 20/07            | 12,02 | 7,64 | 10,66 | 13,75 | 11,98 | 20,12 | 14,47 | 18,50 | 19,88 | 8,38 | 16,89 | 12,66 | 8,82 | 7,51 |
| 21/07            | 11,87 | 7,69 | 10,32 | 13,59 | 12,27 | 22,74 | 14,98 | 18,86 | 19,55 | 8,47 | 17,36 | 12,85 | 8,96 | 7,51 |
| 22/07            | 11,65 | 7,73 | 10,16 | 13,28 | 12,46 | 21,27 | 15,20 | 18,30 | 19,28 | 8,56 | 17,17 | 12,95 | 9,19 | 7,51 |
| 23/07            | 11,46 | 7,75 | 10,05 | 12,76 | 12,52 | 18,50 | 15,06 | 17,70 | 18,89 | 8,60 | 16,70 | 13,13 | 9,38 | 7,50 |
| 24/07            | 11,30 | 7,77 | 10,02 | 12,09 | 12,51 | 17,45 | 14,62 | 17,48 | 18,47 | 8,61 | 16,39 | 13,32 | 9,43 | 7,49 |
| 25/07            | 11,16 | 7,77 | 10,97 | 11,39 | 12,53 | 17,36 | 14,09 | 18,71 | 18,44 | 8,60 | 16,04 | 13,26 | 9,41 | 7,49 |
| 26/07            | 11,12 | 7,76 | 11,13 | 10,84 | 12,46 | 17,21 | 13,71 | 21,32 | 19,55 | 8,57 | 15,83 | 12,61 | 9,34 | 7,49 |
| 27/07            | 11,20 | 7,76 | 11,45 | 10,52 | 12,27 | 16,69 | 13,54 | 22,09 | 22,36 | 8,52 | 15,68 | 11,88 | 9,11 | 7,48 |
| 28/07            | 11,42 | 7,76 | 11,73 | 10,63 | 12,14 | 17,24 | 13,56 | 22,73 | 23,46 | 8,48 | 15,58 | 12,59 | 8,88 | 7,49 |



*Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp – Bản tin dự báo tháng 7/2025*

|              |       |      |       |       |       |       |       |       |       |      |       |       |      |      |
|--------------|-------|------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|------|-------|-------|------|------|
| <b>29/07</b> | 11,75 | 7,77 | 11,87 | 11,12 | 12,04 | 17,61 | 13,61 | 22,64 | 24,15 | 8,45 | 15,60 | 13,23 | 8,71 | 7,50 |
| <b>30/07</b> | 12,11 | 7,76 | 12,19 | 12,13 | 11,97 | 17,13 | 13,15 | 21,26 | 25,12 | 8,43 | 15,76 | 13,32 | 8,58 | 7,50 |
| <b>31/07</b> | 12,31 | 7,76 | 12,53 | 13,55 | 11,96 | 16,39 | 13,45 | 18,99 | 25,11 | 8,45 | 16,01 | 12,90 | 8,52 | 7,51 |

#### 4. Kết quả dự báo diễn biến tổng Nito trong tháng 7/2025

| Tổng Nito | LX1  | LX2  | LX3  | LX4  | LX5  | LX6  | LX7  | LX8  | LX9   | LX10 | LX11 | LX12 | LX13 | LX14 |
|-----------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|------|------|------|------|------|
| 01/07     | 1,17 | 0,43 | 1,28 | 1,99 | 1,31 | 7,29 | 2,38 | 3,55 | 9,64  | 1,08 | 3,80 | 3,47 | 1,97 | 0,74 |
| 02/07     | 1,18 | 0,43 | 1,29 | 1,86 | 1,26 | 7,61 | 2,30 | 3,73 | 9,50  | 1,03 | 3,72 | 3,61 | 2,00 | 0,74 |
| 03/07     | 1,08 | 0,42 | 1,33 | 1,72 | 1,21 | 7,83 | 2,34 | 3,94 | 10,40 | 1,07 | 3,59 | 3,64 | 2,07 | 0,71 |
| 04/07     | 1,02 | 0,79 | 1,40 | 1,56 | 1,13 | 7,91 | 2,50 | 4,07 | 12,29 | 1,28 | 3,47 | 3,70 | 2,12 | 0,66 |
| 05/07     | 1,00 | 0,73 | 1,50 | 1,42 | 1,05 | 7,72 | 2,82 | 4,09 | 12,72 | 1,52 | 3,42 | 3,70 | 2,09 | 0,62 |
| 06/07     | 0,98 | 0,68 | 1,66 | 1,31 | 1,07 | 6,85 | 3,19 | 4,02 | 12,30 | 1,56 | 3,42 | 3,63 | 2,04 | 0,58 |
| 07/07     | 0,97 | 0,69 | 1,72 | 1,26 | 1,14 | 5,54 | 3,50 | 3,89 | 12,03 | 1,53 | 3,43 | 3,54 | 1,98 | 0,54 |
| 08/07     | 0,98 | 0,77 | 1,72 | 1,29 | 1,26 | 4,61 | 3,50 | 3,69 | 12,23 | 1,54 | 3,49 | 3,47 | 1,90 | 0,50 |
| 09/07     | 0,99 | 0,92 | 1,65 | 1,45 | 1,34 | 4,90 | 3,28 | 3,44 | 12,43 | 1,53 | 3,69 | 3,46 | 1,78 | 0,47 |
| 10/07     | 0,99 | 1,10 | 1,59 | 1,79 | 1,32 | 5,68 | 2,98 | 3,14 | 12,33 | 1,48 | 4,02 | 3,45 | 1,09 | 0,45 |
| 11/07     | 0,98 | 1,20 | 1,58 | 1,93 | 1,32 | 6,25 | 2,74 | 2,88 | 12,17 | 1,42 | 4,37 | 3,38 | 1,03 | 0,45 |
| 12/07     | 1,03 | 1,02 | 1,55 | 1,77 | 1,25 | 6,26 | 2,58 | 2,91 | 12,07 | 1,37 | 4,56 | 3,27 | 1,04 | 0,46 |
| 13/07     | 1,10 | 0,96 | 1,48 | 1,66 | 1,17 | 6,38 | 2,33 | 3,03 | 12,06 | 1,33 | 4,60 | 3,33 | 1,10 | 0,49 |
| 14/07     | 1,14 | 0,91 | 1,38 | 1,61 | 1,13 | 6,90 | 2,08 | 3,45 | 12,11 | 1,29 | 4,53 | 3,48 | 1,20 | 0,52 |
| 15/07     | 1,18 | 0,88 | 1,31 | 1,62 | 1,10 | 7,31 | 1,94 | 3,82 | 12,05 | 1,25 | 4,37 | 3,67 | 1,36 | 0,52 |
| 16/07     | 1,07 | 0,87 | 1,30 | 1,64 | 1,08 | 7,43 | 1,87 | 3,97 | 11,84 | 1,24 | 4,10 | 3,77 | 1,52 | 0,52 |
| 17/07     | 1,04 | 0,90 | 1,37 | 1,67 | 1,06 | 7,52 | 1,84 | 4,10 | 11,68 | 1,35 | 4,36 | 3,82 | 1,52 | 0,51 |
| 18/07     | 1,04 | 0,92 | 1,50 | 1,78 | 1,03 | 7,48 | 1,87 | 4,13 | 12,28 | 1,60 | 4,40 | 3,86 | 1,46 | 0,52 |
| 19/07     | 1,05 | 0,92 | 1,73 | 1,80 | 1,02 | 7,00 | 1,92 | 4,04 | 13,98 | 1,48 | 4,45 | 3,86 | 1,41 | 0,52 |
| 20/07     | 1,05 | 0,91 | 1,87 | 1,94 | 1,23 | 5,76 | 2,03 | 3,89 | 15,40 | 1,41 | 4,49 | 3,81 | 1,22 | 0,52 |
| 21/07     | 1,06 | 0,89 | 1,94 | 1,79 | 1,23 | 4,53 | 2,17 | 3,72 | 15,37 | 1,37 | 4,50 | 3,74 | 1,01 | 0,51 |
| 22/07     | 1,06 | 0,84 | 1,90 | 1,57 | 1,28 | 4,13 | 2,22 | 3,41 | 14,62 | 1,40 | 4,46 | 3,66 | 0,91 | 0,49 |
| 23/07     | 1,06 | 0,77 | 1,83 | 1,31 | 2,78 | 4,59 | 2,13 | 2,95 | 14,23 | 1,48 | 4,51 | 3,58 | 0,85 | 0,47 |
| 24/07     | 1,07 | 0,68 | 1,78 | 1,03 | 3,00 | 5,78 | 2,03 | 2,65 | 13,91 | 1,55 | 4,74 | 3,50 | 0,83 | 0,47 |
| 25/07     | 0,99 | 0,63 | 1,76 | 0,81 | 3,00 | 6,28 | 2,20 | 2,69 | 13,67 | 1,60 | 5,38 | 3,43 | 0,87 | 0,48 |
| 26/07     | 0,97 | 0,63 | 1,75 | 1,30 | 2,74 | 6,52 | 2,36 | 3,03 | 13,27 | 1,64 | 5,67 | 3,35 | 0,99 | 0,52 |
| 27/07     | 0,95 | 0,62 | 1,70 | 1,35 | 2,47 | 7,06 | 2,36 | 3,37 | 12,64 | 1,67 | 5,26 | 3,30 | 1,17 | 0,56 |
| 28/07     | 0,92 | 0,60 | 1,61 | 1,42 | 2,26 | 7,75 | 2,31 | 3,60 | 12,06 | 1,70 | 4,65 | 3,34 | 1,45 | 0,59 |

*Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp – Bản tin dự báo tháng 7/2025*

|              |      |      |      |      |      |      |      |      |       |      |      |      |      |      |
|--------------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|------|------|------|------|------|
| <b>29/07</b> | 0,87 | 0,57 | 1,51 | 1,53 | 2,06 | 7,97 | 2,26 | 3,55 | 11,60 | 1,71 | 4,51 | 3,42 | 1,73 | 0,61 |
| <b>30/07</b> | 0,88 | 0,54 | 1,42 | 1,70 | 1,87 | 7,68 | 2,26 | 3,41 | 11,47 | 1,68 | 4,67 | 3,16 | 1,91 | 0,62 |
| <b>31/07</b> | 0,95 | 0,51 | 1,37 | 1,98 | 1,70 | 7,18 | 2,30 | 3,42 | 11,98 | 1,68 | 4,61 | 3,25 | 1,87 | 0,63 |

## PHỤ LỤC

**Bảng vị trí các điểm giám sát cố định chất lượng nước vùng TGLX năm 2025**

| TT | Ký hiệu | Vị trí điểm đo                                     | Tọa độ điểm quan trắc |               | Nhiệm vụ                                                                                                                 |
|----|---------|----------------------------------------------------|-----------------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |         |                                                    | Kinh độ               | Vĩ độ         |                                                                                                                          |
| 1  | LX1     | Đầu kênh Cái Sắn phía sông Hậu                     | 105°28'57.56"E        | 10°18'52.96"N | Kiểm tra CLN đầu vào HTTL TGLX trên kênh Cái Sắn                                                                         |
| 2  | LX2     | Đầu kênh Vĩnh Tế phía sông Hậu                     | 105°6'3.75"E          | 10°42'38.85"N | Kiểm tra CLN đầu vào HTTL TGLX trên kênh Vĩnh Tế.                                                                        |
| 3  | LX3     | Giao của kênh Ba Thê và kênh Ba Thê mới            | 105° 8'2.18"E         | 10°16'2.76"N  | Kiểm tra CLN giữa vùng dự án do canh tác nông nghiệp và các ảnh hưởng từ nguồn nước.                                     |
| 4  | LX4     | Giao của kênh Tri Tôn, Trà Sư và Mạc Cần Dung      | 105° 3'19.03"E        | 10°26'15.81"N | Kiểm tra CLN giữa vùng dự án do canh tác nông nghiệp và các ảnh hưởng từ nguồn nước.                                     |
| 5  | LX5     | Giao của kênh Vĩnh Tế và kênh T5                   | 105°52'10.45"E        | 10°30'31.07"N | Kiểm tra CLN giữa vùng dự án do canh tác nông nghiệp và các ảnh hưởng từ nguồn nước.                                     |
| 6  | LX6     | Giao của kênh Vĩnh Tế và kênh Hà Giang             | 105°38'45.56"E        | 10°31'41.58"N | Kiểm tra CLN giữa vùng dự án do canh tác nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, thâm nhập mặn và các ảnh hưởng từ nguồn nước. |
| 7  | LX7     | Tp. Rạch Giá, cuối kênh Rạch Giá – Long Xuyên      | 105° 5'33.19"E        | 10° 1'4.03"N  | Kiểm tra CLN do ô nhiễm từ Tp Rạch Giá, xâm nhập mặn từ biển Tây.                                                        |
| 8  | LX8     | Giao giữa kênh Tri Tôn và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên. | 105°55'33.67"E        | 10°11'22.55"N | Kiểm tra CLN do tác động của vùng sản xuất nông nghiệp, ô nhiễm của thị trấn Tri Tôn, xâm nhập mặn từ biển Tây.          |

| TT | Ký hiệu | Vị trí điểm đo                                                    | Tọa độ điểm quan trắc |               | Nhiệm vụ                                                                                                                       |
|----|---------|-------------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |         |                                                                   | Kinh độ               | Vĩ độ         |                                                                                                                                |
| 9  | LX9     | Giao giữa kênh T5 và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên.                     | 105°44'29.80"E        | 10°17'5.24"N  | Kiểm tra CLN do tác động của vùng sản xuất nông nghiệp, vùng nuôi trồng thủy sản, xâm nhập mặn từ biển Tây và vùng trũng phèn. |
| 10 | LX10    | Giao giữa kênh Hà Giang và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên (Cầu Hà Giang) | 105°31'18.49"E        | 10°22'9.06"N  | Kiểm tra CLN do tác động của vùng vùng nuôi trồng thủy sản, xâm nhập mặn từ biển Tây và vùng trũng phèn.                       |
| 11 | LX11    | Giao giữa kênh Ba Thê Mới và Kênh Rạch Giá Long Xuyên             | 105°15'40.55"E        | 10°15'35.66"N | Kiểm tra CLN do ô nhiễm từ Tp Rạch Giá, và do xâm nhập mặn từ Rạch Giá đến Thoại Sơn.                                          |
| 12 | LX12    | Giao của kênh Tám Ngàn và kênh ranh An Giang - Kiên Giang         | 105°51'52.26"E        | 10°21'20.56"N | Kiểm tra CLN giữa vùng dự án do canh tác nông nghiệp và do tác động của phèn.                                                  |
| 13 | LX13    | Đầu kênh Rạch Giá – Long Xuyên từ sông Hậu vào                    | 105°24'42.59"E        | 10°22'17.38"N | Kiểm tra CLN từ sông Hậu vào sau khi đi qua Tp. Long Xuyên                                                                     |
| 14 | LX14    | Đầu kênh Vĩnh Tre phía sông Hậu                                   | 105°12'34.21"E        | 10°37'5.00"N  | Kiểm tra CLN đầu vào HTTL TGLX ở khu vực giữa vùng dự án.                                                                      |